

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22-11-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Ngọc Thương;

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 568/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Phòng 1521 Chung Cư BA, đường BG, Phường 10, thành phố VT, tỉnh BR-VT.

Bị đơn: Ông Trịnh Xuân H, sinh năm 1976;

HKTT: 484/31A Đường 30/4, Phường RD, thành phố VT, tỉnh BR-VT.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuyên Mộc (Phân Trại 2, Đội 20, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai).

(Bà V, ông H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà và ông Trịnh Xuân H tự nguyện chung sống cùng nhau đến năm 2004 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Nghị định số 77/2001/NĐ-CP và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 02-3-2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn về kinh tế do công việc làm ăn của ông H gây ra nhiều nợ nần và phạm tội với án phạt tù 29 năm. Việc ông H phải chấp hành án với một thời gian dài như trên thì không thể quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình với bà. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Trịnh Xuân H.

Về con chung, cấp dưỡng: Bà và ông H có 01 con chung là cháu Trịnh Huy Hoàng, sinh ngày 06-12-2002; con chung đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trịnh Xuân H có bản tự khai như sau:

Ông thống nhất với tất cả các ý kiến của bà V về các vấn đề hôn nhân, con chung, mâu thuẫn. Trước yêu cầu khởi kiện của bà V, ông đồng ý ly hôn với bà V; về vấn đề con chung, nợ chung, tài sản chung ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện ông đang chấp hành án tại trại giam Cục C10 Bộ công an nên ông đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử của Tòa án.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V vắng mặt, có đơn giữ nguyên các ý kiến trình bày ở giai đoạn trước khi xét xử và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn ông Trịnh Xuân H vắng mặt, có nộp các ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tiến hành các thủ tục tố tụng đạt đối với nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định nhưng nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các quy định pháp luật về Luật Hôn nhân và Gia đình, kết quả xác minh của Tòa án, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Xuân H nên đây là vụ án "tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Trịnh Xuân H có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Bà V và ông H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số số 30 ngày 02-3-2004 nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà V trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn về kinh tế do công việc làm ăn của ông H gây ra nhiều nợ nần và phạm tội với án phạt tù 29 năm. Việc ông H phải chấp hành án với một thời gian dài như trên thì không thể quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình với bà. Vì vậy bà yêu cầu ly hôn ông H.

Bị đơn ông Trịnh Xuân H đồng ý với toàn bộ ý kiến và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, cả hai cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế, ông H không thể quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ bà V vì phải chấp hành án phạt tù trong một thời gian dài dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân của bà V với ông H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng: Bà V với ông H có 01 con chung tên Trịnh Huy Hoàng, sinh ngày 06-12-2002; con chung đã thành niên và có khả

năng lao động; bà V, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà V, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V.

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Trịnh Xuân H.

Về con chung, cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị V với ông Trịnh Xuân H có 01 con chung là Trịnh Huy Hoàng, sinh ngày 06-12-2002; con chung đã thành niên và có khả năng lao động; bà V, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thị V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001026 ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; bà V đã nộp xong án phí.

Ông Trịnh Xuân H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không

có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- UBND Phường 10, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trà My